

Chuyên đề 3:
Quản lý Giáo dục Đại học
trong cơ chế thị trường
định hướng xã hội chủ nghĩa

Các nội dung được đề cập trong chuyên đề

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường
2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học
3. Phân tầng trong GDĐH

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học

1.2. Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN

1.3. Mô hình quản lý công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.4. Cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học*

1.1.1. Quản lý nhà nước về giáo dục

Nếu hoạt động quản lý nhà nước chỉ giới hạn trong việc sử dụng một loại Quyền Lực - quyền hành pháp - thì đó là quản lý hành chính nhà nước về giáo dục. Đó là việc chỉ huy, điều hành việc tổ chức và hoạt động giáo dục được tiến hành bởi các cơ quan được giao quyền hành pháp nhằm đảm bảo Pháp luật giáo dục được thực thi. Các cơ quan này gồm chính phủ, chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan quản lý Giáo dục từ trung ương đến địa phương.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học*

1.1.1. Quản lý nhà nước về giáo dục

Khi nói đến quản lý nhà nước thì chủ thể quản lý là các cơ quan quyền lực của nhà nước từ Trung ương đến địa phương, bao gồm cả ba quyền lực là lập pháp, hành pháp và tư pháp. Do đó quản lý nhà nước về giáo dục là một phạm trù rộng, đó là việc chỉ huy, điều hành của cơ quan quyền lực nhà nước, bao gồm cả lập pháp hành pháp và tư pháp, nhằm tác động và điều chỉnh việc tổ chức và hoạt động giáo dục theo mục tiêu đã định.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

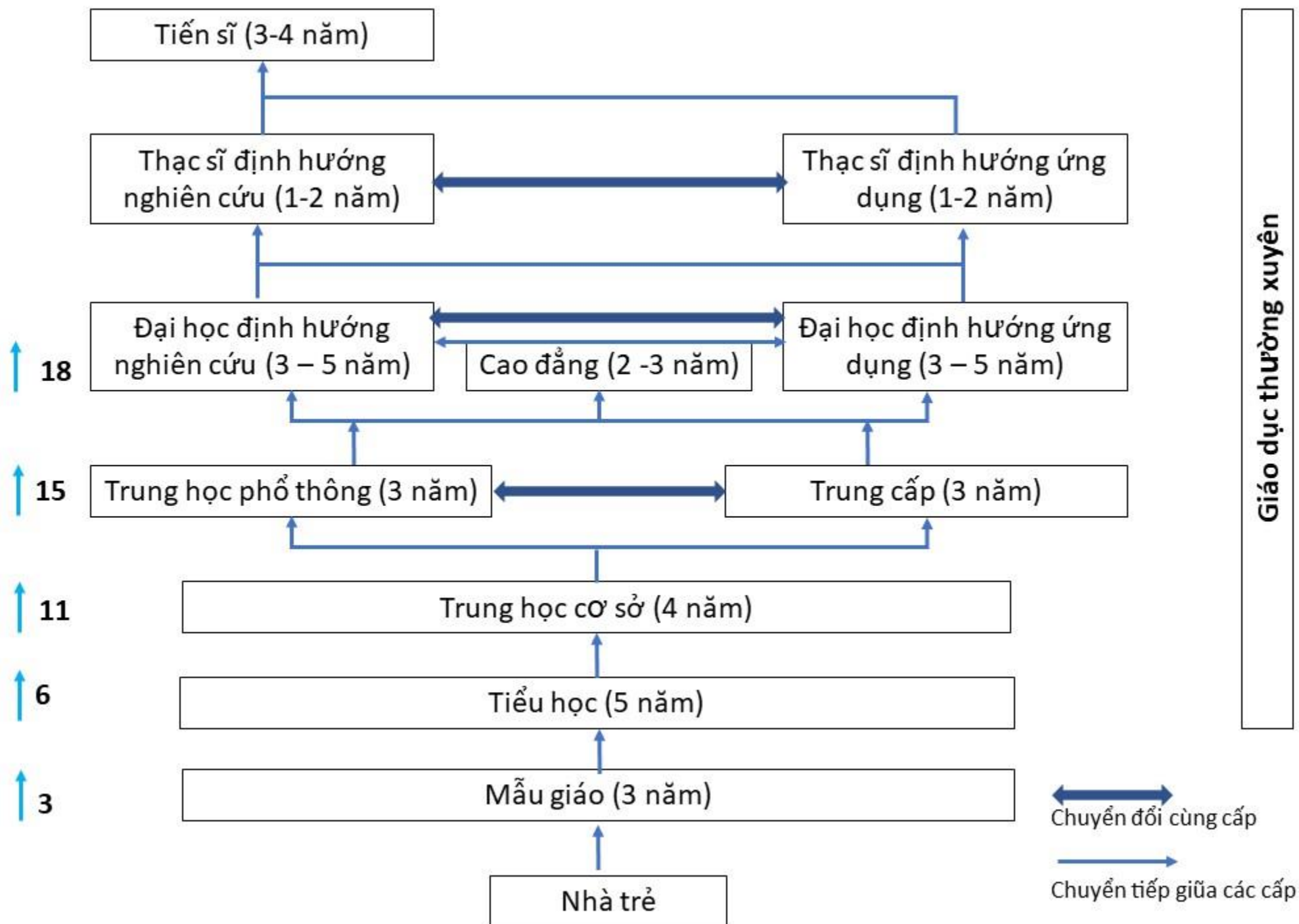
1.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học*

1.1.1. Quản lý nhà nước về giáo dục

Khách thể quản lý là nền giáo dục quốc gia được cụ thể hóa thông qua hệ thống giáo dục quốc dân

(Xem sơ đồ hệ thống GDQD được CP ban hành 26/10/2016)

Tuổi bắt đầu đi học



1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học*

1.1.1. Quản lý nhà nước về giáo dục

Đối tượng quản lý là mọi thành tố cấu thành hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm nhà trường, nhà giáo, người học, chương trình giáo dục, tài chính giáo dục, nhân sự giáo dục, môi trường giáo dục, ...

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học*

1.1.1. Quản lý nhà nước về giáo dục

Nội dung quản lý bao gồm từ việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục đến việc tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá các hoạt động giáo dục có liên quan đến mọi thành tố nói trên.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học*

1.1.1. Quản lý nhà nước về giáo dục

Mục tiêu quản lý về cơ bản nhằm đảm bảo trật tự, kỷ cương trong tổ chức, hoạt động và phát triển giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học*

1.1.1. Quản lý nhà nước về giáo dục

Quản lý nhà nước về giáo dục **là một hệ thống lớn**, bao gồm các hệ thống con, là quản lý nhà nước trong từng phân hệ của hệ thống giáo dục quốc dân như: quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, quản lý nhà nước về giáo dục thường xuyên.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học*

1.1.2. Quản lý nhà nước về GDĐH

Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học là một bộ phận của quản lý nhà nước về giáo dục, có nhiệm vụ chỉ huy, điều hành việc tổ chức và hoạt động của giáo dục Đại học trong mối quan hệ tương thích với một bên là các bộ phận của hệ thống giáo dục quốc dân và một bên là thị trường lao động, nơi tiếp nhận các sinh viên ra trường.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học*

1.1.2. Quản lý nhà nước về GDĐH

Giáo dục Đại học **được coi là thang bậc quan trọng nhất** trong Hệ thống GDQD trên nhiều phương diện:

- Thứ nhất, xét về mặt phát triển con người thì Giáo dục Đại học là giai đoạn cuối cùng của giáo dục nhà trường trong việc xây dựng nhân cách người học.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học*

1.1.2. Quản lý nhà nước về GDĐH

Giáo dục Đại học **được coi là thang bậc quan trọng nhất** trong Hệ thống GDQD trên nhiều phương diện:

- Thứ hai, xét về mặt phát triển nhân lực thì Giáo dục Đại học có vai trò không thể thay thế trong việc chuẩn bị nhân lực trình độ cao cho đất nước, một yêu cầu đặc biệt quan trọng trong bước chuyển sang kinh tế tri thức ngày nay.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học*

1.1.2. Quản lý nhà nước về GDĐH

Giáo dục Đại học được coi là **thang bậc quan trọng nhất** trong Hệ thống GDQD trên nhiều phương diện:

- Thứ ba, xét về mặt tâm lý xã hội, giáo dục Đại học ở hầu như mọi nơi trên thế giới được người học, các bậc phụ huynh cũng như các nhà tuyển dụng coi trọng nhất.
- Thứ tư, xét trong mối quan hệ giữa giáo dục với kinh tế xã hội, trong bức tranh động của giáo dục ngày nay với các xu thế đa dạng hóa, đại chúng hóa, hiện đại hóa, tư nhân hóa, thị trường hóa, quốc tế hóa, dân chủ hóa thì Giáo dục Đại học là nơi biểu hiện tập trung của các xu thế nói trên.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học*

1.1.2. Quản lý nhà nước về GDĐH

Giáo dục Đại học **được coi là thang bậc quan trọng nhất** trong Hệ thống GDQD trên nhiều phương diện:

- Và cuối cùng Thứ năm, Giáo dục Đại học với các nhà trường, đội ngũ giáo viên và sinh viên của nó, chính là nơi không chỉ truyền tải các tri thức tiên tiến của nhân loại mà còn sản sinh ra các tri thức mới, đưa tri thức vào đời sống, mà không có thế thì không có bất kỳ bước tiến nào của xã hội.

QLNN về GDĐH rất khác nhau ở các nước trong khi rất ít có sự khác biệt về QLGDPT

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN

Từ năm **1986**, Việt Nam bước vào công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

Đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục Đại học là một quá trình phức tạp. Về lý thuyết, đó là bước chuyển từ quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế hành chính tập trung sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN

Từ năm 1986, Việt Nam bước vào công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

Trên thực tế thì quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình quản lý chưa từng có trong lịch sử. Nó không được thiết kế và triển khai từ sách vở. Và vì thế, đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong 30 năm qua là quá trình tìm tòi, thử nghiệm và sáng tạo, bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế, từ quần chúng, từ thực tế và là quá trình do Đảng lãnh đạo.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường
1.2. Quản lý nhà nước về GDDH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN

1.2.1. Quản lý nhà nước về giáo dục đại học trước đổi mới.

1.2.2. Những đổi mới bước đầu trong quản lý nhà nước về giáo dục đại học.

1.2.3. Các quan điểm chỉ đạo trong đổi mới quản lý nhà nước về GDDH

1.2.4. Các đặc trưng cơ bản trong đổi mới quản lý NN về GDDT

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục đại học trước đổi mới.*

Trước đổi mới, tư tưởng quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta là tư tưởng quản lý kế hoạch hóa, tập trung cao độ, quan liêu, bao cấp.

Trong mối quan hệ biện chứng với tư tưởng quản lý đó, quản lý nhà nước về giáo dục Đại học tuân theo mô hình quản lý hành chính, tập trung, với các đặc trưng cơ bản sau đây:

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục đại học trước đổi mới.*

- Mệnh lệnh hành chính: Về tư tưởng quản lý, dù rằng trên phương diện lý luận, chúng ta luôn yêu cầu quản lý trên cơ sở pháp luật, những hệ thống pháp luật trước đây ít được chú trọng phát triển; trên thực tế, hoạt động quản lý được thực hiện chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục đại học trước đổi mới.*

Quan liêu:

- Về cơ chế quản lý, dù rằng, trên phương diện lý luận, chúng ta nêu nguyên tắc tập trung dân chủ, nhưng việc phát huy tính độc lập, tự chủ, sáng tạo của cơ sở và người lao động ít được chú trọng, trên thực tế cơ chế quản lý là tập trung Thống Nhất và quan liêu cao độ.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.1. *Quản lý nhà nước về giáo dục đại học trước đổi mới.*

Chấp hành vô điều kiện:

- Về phương diện quản lý, hệ quả tất yếu từ tư tưởng quản lý và cơ chế quản lý nêu trên, đó là phương thức quản lý một chiều theo nguyên tắc: cơ sở và người lao động phải chấp hành các quyết định của cấp trên, các quyết định đó rất chi tiết và cụ thể.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.2. *Những đổi mới bước đầu trong quản lý nhà nước về giáo dục đại học.*

Xuất phát từ Quan điểm cơ bản: *sự nghiệp phát triển giáo dục phải phù hợp với sự nghiệp phát triển kinh tế, yêu cầu của công cuộc đổi mới giáo dục phải phù hợp với công cuộc đổi mới toàn diện của nền kinh tế - xã hội*, ngay năm 1987, các ngành giáo dục phổ thông, chuyên nghiệp - dạy nghề và đại học đã tập trung thảo luận và đề xuất phương hướng đổi mới của ngành mình

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.2. Những đổi mới bước đầu trong quản lý nhà nước về giáo dục đại học.

Tại hội nghị Nha Trang(hè1987), bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp lúc đó, trên cơ sở phân tích nguyên nhân của tình trạng suy giảm nghiêm trọng cả về quy mô và chất lượng trong giáo dục Đại học và Trung học chuyên nghiệp, xuất phát từ những quan điểm đổi mới của Đảng, đã nêu lên 4 tiên đề định hướng đổi mới đào tạo Đại học và Trung học chuyên nghiệp:

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.2. *Những đổi mới bước đầu trong quản lý nhà nước về giáo dục đại học.*

1. Đào tạo Đại học và Trung học chuyên nghiệp không chỉ nhằm thỏa mãn nhu cầu của biên chế nhà nước và kinh tế quốc doanh mà còn phải đáp ứng nhu cầu của các thành phần kinh tế khác và nhu cầu học tập của nhân dân;
2. Đào tạo Đại học và Trung học chuyên nghiệp không chỉ dựa vào ngân sách nhà nước mà còn dựa vào các nguồn lực khác có thể huy động được;

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.2. *Những đổi mới bước đầu trong quản lý nhà nước về giáo dục đại học.*

3. Đào tạo Đại học và Trung học chuyên nghiệp không chỉ theo chỉ tiêu kế hoạch tập trung như một bộ phận của cơ quan nhà nước mà còn theo những đơn đặt hàng khác, những xu thế dự báo, những nhu cầu học tập từ nhiều phía trong xã hội;

4. Đào tạo Đại học và Trung học chuyên nghiệp không nhất thiết gắn với việc phân công công tác cho người tốt nghiệp theo cơ chế bao cấp mà còn chủ yếu tạo điều kiện về trình độ, phẩm chất và năng lực để người tốt nghiệp có khả năng tự tìm, tự tạo việc làm trong mọi thành phần kinh tế.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.2. Những đổi mới bước đầu trong quản lý nhà nước về giáo dục đại học.

Ngành đại học và Trung học chuyên nghiệp đề ra 3 chương trình hành động nhằm tạo bước chuyển biến khởi đầu cho sự nghiệp đổi mới toàn diện, cơ bản nền giáo dục Đại học và Trung học chuyên nghiệp:

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.2. *Những đổi mới bước đầu trong quản lý nhà nước về giáo dục đại học.*

Chương trình 1: Cải cách đào tạo nhằm thực hiện những đổi mới bước đầu về cơ cấu của hệ thống, mục tiêu, nội dung, phương pháp và quy trình đào tạo. Tạo điều kiện mở rộng quy mô, ổn định và nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, phù hợp với những yêu cầu kinh tế xã hội.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.2. *Những đổi mới bước đầu trong quản lý nhà nước về giáo dục đại học.*

Chương trình 2: Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, tăng cường sự liên kết giữa giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ và sản xuất kinh doanh; tạo ra vốn tự có cho trường, cải thiện những điều kiện vật chất kỹ thuật của Đào tạo và cải thiện một phần đời sống giáo viên sinh viên.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.2. *Những đổi mới bước đầu trong quản lý nhà nước về giáo dục đại học.*

Chương trình 3: đổi mới tổ chức và quản lý, sắp xếp lại Mạng lưới các trường đại học và Trung học chuyên nghiệp, đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý, thực hiện dân chủ hóa nhà trường.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDDH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.3. *Các quan điểm chỉ đạo trong đổi mới quản lý nhà nước về GDDH*

Bước chuyển đầu tiên đổi mới QLNN về giáo dục Đại học nước ta với việc đưa ra các ý tưởng mới về đa dạng hóa, xã hội hóa và dân chủ hóa. Từ đó, những bước chuyển căn bản trong đổi mới QLNN về giáo dục Đại học suốt thời gian qua được thực hiện từng bước, chủ yếu trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo của Đảng, các quan điểm này được bổ sung và phát triển qua các kì Đại hội Đảng và Hội nghị Trung ương về giáo dục trên cơ sở tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học và học tập kinh nghiệm nước ngoài.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDDH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.3. *Các quan điểm chỉ đạo trong đổi mới quản lý nhà nước về GDDH*

Hai quan điểm nền Đảng về phát triển giáo dục:

Thứ nhất, đó là quan điểm về phát triển giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu (cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội - cương lĩnh năm 1991 được thể chế hóa trong Hiến pháp 1992) thể hiện một niềm thức vượt trội, một tầm nhìn đột phá về vai trò của giáo dục, đón đầu bước phát triển của giáo dục và những năm cuối thế kỷ XX.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDDH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.3. *Các quan điểm chỉ đạo trong đổi mới quản lý nhà nước về GDDH*

Thứ hai, là quan điểm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục. Quan điểm này để phát biểu tường minh trong nghị quyết Trung ương 2 (khóa 8) với yêu cầu: “Giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong nội dung, phương pháp giáo dục và đào tạo, trong các chính sách, nhất là chính sách công bằng xã hội”, được thể chế hóa trong điều 3 luật giáo dục năm 2005 với quy định: “Nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, lấy chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng”

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDDH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.3. *Các quan điểm chỉ đạo trong đổi mới quản lý nhà nước về GDDH*

Từ Hội nghị Trung ương 4 (khóa VII) đến hội nghị trung ương 2 (khóa VIII), Hội nghị TW 6 (khóa IX), Hội nghị TW 4 (khóa X) và mới đây là Hội nghị TW 8(khóa XI), các quan điểm chỉ đạo không ngừng được bổ sung và phát triển, lần lượt xác lập một số đổi mới trong nhận thức Về đầu tư (đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển),

Bước đi (giáo dục đi trước và phục vụ đắc lực cho sự phát triển kinh tế xã hội),

Về phương hướng (phát triển giáo dục phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, những tiến bộ khoa học - công nghệ và củng cố quốc phòng, an ninh),

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDDH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.3. *Các quan điểm chỉ đạo trong đổi mới quản lý nhà nước về GDDH*

Về cách làm (đa dạng hóa cấu hình giáo dục, phát triển giáo dục thường xuyên),

Về tổ chức hệ thống giáo dục (Xây dựng hệ thống giáo dục mở đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời và xã hội học tập),

Về cách tiếp cận (chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực trong dạy và học),

Về định hướng phát triển (chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế)...

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường
1.2. *Quản lý nhà nước về GDDH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.4. Các đặc trưng cơ bản trong đổi mới quản lý NN về GDDT

Định hình và tiến tới hoàn chỉnh dần mô hình quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với những đặc trưng sau:

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.2. *Quản lý nhà nước về GDĐH trong cơ chế hành chính tập trung và cơ chế thị trường định hướng XHCN*

1.2.4. *Các đặc trưng cơ bản trong đổi mới quản lý NN về GDDT*

- Chuyển từ tư tưởng quản lý chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính sang quản lý chủ yếu bằng pháp luật.
- Chuyển từ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế quản lý phân cấp, dân chủ, tự chủ và tự chịu trách nhiệm.
- Chuyển từ phương thức quản lý một chiều từ trên xuống sang phương thức lấy cơ sở, lấy nhà trường làm trung tâm

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường
1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

3.1.1. Các nội dung cơ bản của quản lý công mới

1.3.2. So sánh quản lý công mới với quản lý công truyền thống

1.3.3. Quản lý công mới trong giáo dục

1.3.4. Áp dụng quản lý công mới trong quản lý nhà nước về GDĐH ở nước ta

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

Đánh giá chung về cải cách quản trị nhà nước trong những năm đổi mới vừa qua, Báo cáo Phát triển Việt Nam 2010 cho rằng: “Trên thực tế cách tiếp cận cải cách của Việt Nam là một cách tiếp cận theo kiểu thử nghiệm, có nghĩa là từng bước tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề của xã hội” (trang 18). Đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục Đại học ở nước ta cũng không nằm ngoài cách tiếp cận đó.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

Giáo dục cũng được coi là hệ thống xã hội lớn nhất, phức tạp nhất, đang biến động nhanh, mở và mạnh, trong khi đó công tác quản lý giáo dục vẫn dựa chủ yếu trên một hệ thống quản lý theo kiểu hành chính, phù hợp với một hệ thống giáo dục quy mô nhỏ, đóng và tĩnh tại.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

Đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục Đại học cũng là bài toán đặt ra ở nhiều nước. Suốt 3 thập kỷ nay và việc tìm lời giải cũng không tránh khỏi cách tiếp cận theo kiểu thử nghiệm. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là ở các nước phát triển, người tìm lời giải cho bài toán có một định hướng khá rõ ràng. Đó là việc thay thế mô hình quản lý truyền thống trong lĩnh vực công bằng một mô hình quản lý mềm dẻo và phù hợp hơn với bối cảnh mới của sự phát triển kinh tế xã hội. Mô hình này được gọi là quản lý công mới (New Public Management)

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường
1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

3.1.1. Các nội dung cơ bản của quản lý công mới

Khi xem xét QLCM phải Xuất phát điểm quản lý công mới, *bối cảnh ra đời của quản lý công mới trên các phương diện kinh tế, chính trị, xã hội và công nghệ vào cuối những năm 1970, đầu những năm 1980.*

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

3.1.1. Các nội dung cơ bản của quản lý công mới

Về phương diện kinh tế, đó là giai đoạn **suy thoái kinh tế** lao động ở những nước tư bản, với **nợ công chồng chất, ngân sách thâm hụt, thất nghiệp gia tăng**.. thêm vào đó, sự già hóa của xã hội tạo nên sự mất cân bằng giữa một bên là các khoản chi bảo hiểm xã hội tăng lên do dân số về hưu phồng ra và một bên là các khoản thu ngân sách giảm đi do dân số lao động co lại. Điều đó dẫn đến yêu cầu tiết giảm đồng thời tăng hiệu quả của chi tiêu công

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

3.1.1. Các nội dung cơ bản của quản lý công mới

Về phương diện chính trị, trong sự lựa chọn chính sách để giải quyết vấn đề trên những khó khăn về kinh tế, các nhà chính trị thấy cần thiết cải tổ khu vực công và tìm lời giải trong chủ nghĩa tân tự do, theo hướng thu hẹp khu vực công, đồng thời đẩy mạnh cơ chế thị trường

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

3.1.1. Các nội dung cơ bản của quản lý công mới

Về phương diện xã hội, với sự gia tăng về dân trí và dân chủ trong dân cư, người dân ngày càng đòi hỏi hơn về chất lượng cung ứng trong lĩnh vực công và về tính minh bạch, công khai trong các hoạt động của chính phủ, chống tham ô, lãng phí trong sử dụng các nguồn lực

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

3.1.1. Các nội dung cơ bản của quản lý công mới

Theo phương diện công nghệ, bước phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin đã có tác dụng một mặt giúp Giới Truyền thông soi mạnh hơn vào tính quan liêu của chính quyền, mặt khác tạo điều kiện để các yêu cầu về phân cấp quản lý cùng trách nhiệm giải trình dễ được hiện thực hóa

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

3.1.1. Các nội dung cơ bản của quản lý công mới

Tiền đề lý luận mà QLCM đưa ra (nhưng chưa hề để chứng minh) là **khu vực tư hoạt động hiệu quả hơn khu vực công** và khu vực công cần học tập khu vực tư trong quản lý, phân bổ, sử dụng nguồn lực. Vì thế, để nâng cao hiệu lực, hiệu quả và chất lượng trong cung ứng dịch vụ công, **cần từ bỏ mô hình quản lý công truyền thống, trong đó chính phủ vừa là người quản lý, vừa là người cung ứng**

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

3.1.1. Các nội dung cơ bản của quản lý công mới

5 nội dung cơ bản về quản lý công là: 1) thu nhỏ bộ máy chính phủ; 2) tăng cường phân cấp; 3) vận dụng quản lý kiểu doanh nghiệp trong điều hành các đơn vị công; 4) khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia cung ứng các dịch vụ công; 5) khắc phục quan liêu, nâng cao tính công khai, minh bạch, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo chất lượng phục vụ.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường
- 1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.2. So sánh quản lý công mới với quản lý công truyền thống

Các phân tích của Ehsan và Naz (2003), Tolofari (2005), Sincai và Monica (2008), có thể liệt kê các hợp việc cơ bản giữa quản lý công mới và quản lý công truyền thống trong bảng dưới đây:

	Quản lí công truyền thống	Quản lí công mới
Chức năng của Chính phủ	Vừa cầm lái Vừa chèo thuyền	Tập trung vào việc cầm lái
Quan hệ với cộng đồng	Trực tiếp cung ứng dịch vụ công cho cộng đồng	Trao quyền cho cộng đồng trong việc cung ứng dịch vụ công
Nguyên tắc cung ứng dịch vụ công	Cào bằng, quan liêu, tập trung vào đầu vào	Cạnh tranh, hướng tới nhu cầu xã hội, tập trung vào đầu ra
Kiểm soát các đơn vị công	Thực hiện từ trên xuống, thông qua một cấu trúc tôn ti các cấp kiểm tra và thanh tra	Chuyển giao cho tổ chức quản lý chuyên nghiệp với các quy định rõ ràng về mục tiêu và chỉ tiêu thực hiện
Phương thức quản lý trong các đơn vị công	Sử dụng các quy định, quy, quy trình được ban hành từ cấp trên	Sử dụng phương thức quản lý doanh nghiệp, chú trọng đấu thầu, phát huy cạnh tranh
Cơ chế tài chính	Nguồn thu gói gọn trong ngân sách nhà nước. Chi theo quy định và quyền hạn	Tìm cách huy động các nguồn lực ngoài ngân sách. chi theo nhu cầu đã được kiểm tra về nguyên tắc chi ít, được nhiều.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.2. So sánh quản lí công mới với quản lí công truyền thống

Quản lý công mới chính là sự đổi mới công tác quản lý trong các đơn vị công nhằm mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị này. Nội dung đổi mới tập trung vào hai vấn đề chính: *một là* đưa cơ chế thị trường và khu vực công, phá vỡ tính độc quyền, cửa quyền, thiếu minh bạch của các đơn vị công, tạo cơ hội cạnh tranh trong và giữa các đơn vị công; *Hai là* cần đề cao nhiệm vụ quản lý chứ không chỉ chú trọng đến yêu cầu chính trị trong các đơn vị công, cần vận dụng các phương pháp, nguyên tắc, kỹ thuật quản lý doanh nghiệp vào việc quản lý chất lượng và hiệu quả trong hoạt động của các đơn vị công.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường
- 1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.3. Quản lý công mới trong giáo dục

Mô hình quản lý công mới trong giáo dục là mô hình trong đó nhà trường được giao quyền tự chủ nhiều hơn và chịu sự giám sát chặt chẽ của ba khu vực: nhà nước với bàn tay hữu hình là hệ thống luật pháp, thị trường với bàn tay vô hình là cơ chế cạnh tranh, xã hội dân sự với vai trò là đối tác của nhà nước và đối trọng của thị trường

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.3. Quản lý công mới trong giáo dục

Các đặc trưng chủ yếu của mô hình quản lý công mới trong giáo dục là:

- a) Đề cao quyền tự chủ nhà trường: mối quan hệ truyền thống giữa nhà nước và nhà trường thay đổi về cơ bản, trong đó nhà nước chuyển từ kiểm soát sang giám sát, nhà trường được quyền chủ động hơn trong các quyết định liên quan đến nhiệm vụ chuyên môn, công tác tổ chức, tài chính và nhân sự.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.3. Quản lý công mới trong giáo dục

Các đặc trưng chủ yếu của mô hình quản lý công mới trong giáo dục là:

b) Đa dạng hóa các thành phần cung ứng giáo dục: bên cạnh nhà nước với vai trò là nhà cung ứng chính, có thêm các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các công ty xuyên quốc gia, các cá nhân; các loại hình nhà trường cũng đa dạng, có công lập, tư thực, công tư hợp tác doanh nghiệp giáo dục; giáo dục vừa được coi là lợi ích công vừa là dịch vụ khả mại được cung ứng theo nguyên tắc phi lợi nhuận hoặc có lợi nhuận; ranh giới công lập - tư thực không còn rạch ròi.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.3. Quản lý công mới trong giáo dục

Các đặc trưng chủ yếu của mô hình quản lý công mới trong giáo dục là:

c) Thị trường hóa Giáo dục: ở cấp hệ thống, cơ chế cạnh tranh được đưa vào giữa các trường học trong việc thu hút người học và thu hút các nguồn lực; ở cấp trường, phương thức quản lý doanh nghiệp theo nguyên tắc chi phí - hiệu quả và hướng tới khách hàng được áp dụng rộng rãi. Các nguồn thu nhà trường ngày càng đa dạng, trong đó học phí chỉ là một phần.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.3. Quản lý công mới trong giáo dục

Các đặc trưng chủ yếu của mô hình quản lý công mới trong giáo dục là:

d) Tăng cường quản lý chất lượng: các hoạt động của nhà trường, trước hết là giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đi dần vào chuẩn hóa; cơ chế đảm bảo chất lượng và công tác kiểm định chất lượng trở thành bắt buộc.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.3. Quản lý công mới trong giáo dục

Các đặc trưng chủ yếu của mô hình quản lý công mới trong giáo dục là:

e) Minh bạch hóa các hoạt động giáo dục: nhà trường có trách nhiệm giải trình trước cơ quan pháp lý cấp trên và trước xã hội về kết quả dạy và học, về thu chi tài chính, về việc thực hiện các cam kết trong nghiên cứu khoa học và phục vụ xã hội. Ngân sách giáo dục phải được công bố công khai, chịu sự giám sát và đánh giá của xã hội, bảo đảm để giáo dục trở thành một lĩnh vực thực sự đầu tư có hiệu quả

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.4. Áp dụng quản lý công mới trong quản lý nhà nước về GDĐH ở nước ta

Các ý tưởng về đa dạng hóa, xã hội hóa và dân chủ tại hội nghị Nha Trang năm 1987 về đổi mới giáo dục Đại học là những bước đi đầu tiên. Nhưng điểm mốc cơ bản phải tính từ Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII), cuối năm 1996, các chủ trương và giải pháp được đặt ra tại Hội nghị là cơ sở để việc đổi mới quản lý giáo dục nước ta nói chung, quản lý nhà nước về giáo dục Đại học nói riêng, được không ngừng bổ sung, hoàn thiện và thể chế hóa

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.4. Áp dụng quản lí công mới trong quản lí nhà nước về GDĐH ở nước ta

Đối chiếu các quy định pháp lý về đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục Đại học ở nước ta với các đặc trưng cơ bản của quản lý công mới trong giáo dục, có thể thấy mối tương quan như sau:

a) Về phân cấp quản lý và quyền tự chủ nhà trường: các nội dung này đã được thể chế hóa trong luật giáo dục năm 1998, được tiếp tục bổ sung trong luật giáo dục năm 2005 và được làm rõ trong luật giáo dục Đại học năm 2012.

Chính phủ đã lần lượt ban hành các nghị định hướng dẫn thực hiện phân cấp quản lý giáo dục, từ NĐ số 166/2004/NĐ-CP ngày 16/ 9/ 2004 đến NĐ số 115/NĐ-CP ngày 24/1/2010 theo hướng phân công, phân cấp và xác định cụ thể hơn nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm về lĩnh vực giáo dục của các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan có liên quan, đồng thời phát huy cao nhất tính chủ động, sáng tạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp trong việc thực hiện chức trách và nhiệm vụ được giao.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.4. Áp dụng quản lý công mới trong quản lý nhà nước về GDĐH ở nước ta

Về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính, các quy định của chính phủ cũng hướng tới việc mở rộng và tăng cường quyền tự chủ của nhà trường từ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 đến NĐ số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015. Có thể còn nhiều điểm phải bàn về tính phù hợp và tính khả thi của các quy định, nhưng rõ ràng đã hình thành khung pháp lý cần thiết để thực hiện được phân cấp quản lý và phát huy quyền tự chủ nhà trường.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.4. Áp dụng quản lý công mới trong quản lý nhà nước về GDĐH ở nước ta

b) Về đa dạng hóa các thành phần cung ứng giáo dục: hệ thống pháp lý đối với vấn đề này được chỉnh lý, bổ sung, hoàn thiện không ngừng trong luật giáo dục, cũng như trong các nghị quyết, Nghị định của Chính phủ. Luật giáo dục năm 2005 đã có hẳn một mục riêng về chính sách đối với trường dân lập, trường tư thục. để đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, chính phủ đã lần lượt ban hành nghị quyết số 90-CP ngày 21/8/1997, nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005, NĐ số 73/1999/NĐ-CP Ngày 19/8/1999, nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006, NĐ số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và đặc biệt nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 9/8/2012 theo hướng tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong việc xã hội hóa.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.4. Áp dụng quản lý công mới trong quản lý nhà nước về GDĐH ở nước ta

Về hợp tác và đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, trước khi gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã có NĐ số 06/ 2000/NĐ-CP ngày 6/3/2000 và NĐ số 18/2001/NĐ-CP ngày 4/5/2001; các nghị định này sau khi nước ta là thành viên WTO và ký cam kết Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATT) trong giáo dục, đã được thay thế bởi nghị định số 73/ 2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.4. Áp dụng quản lý công mới trong quản lý nhà nước về GDĐH ở nước ta

C) Về thị trường Hóa hoạt động giáo dục: Đây là vấn đề gây nhiều tranh cãi, chủ yếu bởi vì khái niệm thị trường hóa được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Trong phạm vi của quản lý công mới, khái niệm này chỉ giới hạn trong 2 nội dung chính là đưa cơ chế cạnh tranh vào trong hoạt động giáo dục và áp dụng quản lý kiểu doanh nghiệp trong quản lý nhà trường, mục đích không phải vì lợi nhuận mà vì yêu cầu nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Nếu Luật giáo dục năm 1998 có quy định: “cấm mọi hành vi thương mại hóa hoạt động giáo dục”, thì quy định đó không còn trong luật giáo dục năm 2005.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.4. Áp dụng quản lý công mới trong quản lý nhà nước về GDĐH ở nước ta

Ý tưởng chấp nhận cơ chế thị trường trong đào tạo Đại học và dạy nghề đã được nguyên thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đề cập đến trong bài phát biểu ngày 8 tháng 11 năm 2006 khi nước ta trở thành thành viên WTO. Điều đặc biệt quan trọng hơn là cả Việt Nam đã ký hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATT), cam kết mở cửa thị trường giáo dục sau khi gia nhập WTO. Điều đó cũng có nghĩa là chúng ta chấp nhận thị trường giáo dục nội địa cũng như thị trường giáo dục quốc tế.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.4. Áp dụng quản lý công mới trong quản lý nhà nước về GDĐH ở nước ta

d) Về tăng cường quản lý chất lượng: nội dung này được đề cập suốt quá trình đổi mới giáo dục nước ta, những cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện chỉ hình thành với Luật giáo dục năm 2005 khi vấn đề kiểm định chất lượng được thể chế hóa. Luật giáo dục Đại học năm 2012 tiến thêm một bước nữa khi dành hẳn một chương với 5 điều quy định về đảm bảo chất lượng và Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.4. Áp dụng quản lí công mới trong quản lí nhà nước về GDĐH ở nước ta

e) Việc ban hành Thông tư số 09/ 2009/TT-BGDĐT ngày 7/5/2009 về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục, theo đó các cơ sở giáo dục Đại học phải công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và công khai thu chi tài chính. Đặc biệt luật giáo dục Đại học năm 2012 đã có quy định cụ thể yêu cầu các cơ sở giáo dục Đại học công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học, kết quả đánh giá và Kiểm định chất lượng trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của cơ sở giáo dục Đại học và phương tiện thông tin đại chúng

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.3. Mô hình QL Công mới và áp dụng đối với GDĐH

1.3.4. Áp dụng quản lý công mới trong quản lý nhà nước về GDĐH ở nước ta

Có thể nói khung pháp lý cho Đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục đại học ở nước ta đang được triển khai theo các chiều đo cơ bản của quản lý công mới. Dĩ nhiên, sự chuyển động theo các chiều đo có khác nhau. Các quy định pháp lý trong đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục Đại học được tập trung xây dựng nhiều nhất theo chiều đo “ Tăng cường quản lý chất lượng”, “minh bạch Hóa hoạt động giáo dục”, và “thị trường hóa hoạt động giáo dục”

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.4. Cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

1.4.1. Kết quả cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

1.4.2. Yếu kém, bất cập

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.4. Cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

1.4.1. Kết quả cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

Tính đến nay (2017) cải cách hành chính nhà nước trong GDDH đã đạt được một số kết quả quan trọng như sau: a) Luật giáo dục Đại học được ban hành tạo khuôn khổ pháp lý cho sự vận động của GDDH hướng tới chất lượng, hiệu quả, công bằng xã hội, tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới; b) Việc công khai hóa và đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong GDDH đã có bước chuyển biến rõ rệt thông qua cơ chế một cửa;

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.4. Cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

1.4.1. Kết quả cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

Tính đến nay (2017) cải cách hành chính nhà nước trong GDDH đã đạt được một số kết quả quan trọng như sau: c) Việc thành lập Hiệp hội các trường đại học, Cao đẳng Việt Nam với tư cách là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các trường đại học, cao đẳng Việt Nam là một bước đi mạnh dạn theo tinh thần chuyển giao những công việc mà cơ quan hành chính nhà nước không nên làm hoặc làm nhưng hiệu quả thấp cho các tổ chức xã hội đảm nhận;

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.4. Cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

1.4.1. Kết quả cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

Tính đến nay (2017) cải cách hành chính nhà nước trong GDDH đã đạt được một số kết quả quan trọng như sau: d) Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở GDDH công lập giai đoạn 2014 - 2017 là một bước đột phá về cơ chế tài chính nhằm khuyến khích các cơ sở GDDH công lập chủ động khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng đào tạo đại học và giảm chi cho ngân sách nhà nước, đồng thời không làm giảm cơ hội tiếp cận GDDH của sinh viên nghèo, sinh viên là đối tượng chính sách;

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.4. Cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

1.4.1. Kết quả cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

Tính đến nay (2017) cải cách hành chính nhà nước trong GDDH đã đạt được một số kết quả quan trọng như sau: đ) Việc hiện đại hóa hành chính trong GDDH được đánh giá cao trên cả 3 tiêu chí: ứng dụng công nghệ thông tin, chất lượng cung cấp thông tin trên cổng thông tin điện tử và áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính. riêng về dịch vụ công trực tuyến, hiện đã có 5 dịch vụ công trong GDDH đạt mức độ 3.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.4. Cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

1.4.2. Yếu kém, bất cập

So sánh về bước tiến trong cải cách hành chính nhà nước với 19 Bộ, Cơ quan ngang bộ thì cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục nói chung, Giáo dục Đại học nói riêng, vẫn còn nhiều yếu kém, bất cập. Căn cứ vào báo cáo kết quả xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2014 ngày 19/8/2015 của Bộ Nội vụ, có thể thấy một số điểm nổi bật như sau:

a) Bộ Giáo dục Đào tạo được đánh giá là bộ có nhiều hạn chế nhất trong chỉ đạo, điều hành CCHC;

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.4. Cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

1.4.2. Yếu kém, bất cập

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế trong phạm vi quản lý nhà nước của GDDH còn nhiều bất cập về chất lượng, thể chế, tính khả thi, tính hiệu quả: Nghị quyết số 14/ 2005/NQ-CP ngày 2/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện GDDH Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020 vẫn chủ yếu dừng lại trên văn bản; Luật giáo dục nghề nghiệp đang đe dọa tính chỉnh thể của hệ thống GDDH khi tách trình độ cao đẳng khỏi GDDH, đi ngược với thông lệ quốc tế; các văn bản hướng dẫn thi hành Luật giáo dục Đại học và thực hiện nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 9/8/2012 của Chính phủ “Ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện thông báo kết luận của Bộ Chính trị về đề án đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công” trong GDDH còn chậm và lúng túng;

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.4. Cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

1.4.2. Yếu kém, bất cập

- c) việc cải cách thủ tục hành chính còn chậm, đặc biệt ở khâu rà soát, đánh giá và cập nhật thủ tục hành chính;
- d) Việc cải cách bộ máy hành chính nhà nước trong giáo dục nói chung, Giáo dục Đại học nói riêng, tuy đã có nhiều cố gắng kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả nhưng điều tra xã hội học cho thấy còn hạn chế trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ cũng như trong việc thực hiện quy chế làm việc;

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.4. Cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

1.4.2. Yếu kém, bất cập

đ) Việc xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm trong GDDH còn chậm và việc tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức trong GDDH chưa có chuyển biến đáng kể; e) Đầu tư công trong GDDH cũng rơi vào tình trạng chung của Đầu tư công ở nước ta, nghĩa là dàn trải, lãng phí, kém hiệu quả.

1. Quản lý nhà nước về giáo dục Đại học trong cơ chế thị trường

1.4. Cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục Đại học

1.4.2. Yếu kém, bất cập

Với sự bùng nổ của các cơ sở Giáo dục Đại học trong giai đoạn 2001- 2012, không chỉ đi ngược với chủ trương tái cơ cấu được đưa ra trong Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP, mà còn kéo theo những hệ lụy về sự sụt giảm chất lượng, bất ổn hệ thống và gia tăng những sự thiếu gắn kết giữa đào tạo với sử dụng.

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.1. Các chính sách lớn của nhà nước về giáo dục Đại học

2.2. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục Đại học

2.3. Phân tầng trong GDĐH

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.1. Các chính sách lớn của nhà nước về giáo dục Đại học

2.1.1. Về định hướng phát triển

- a) Phát triển GDDH để đào tạo nhân lực có trình độ và chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.
- b) Gắn đào tạo với nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học công nghệ; đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục Đại học với tổ chức nghiên cứu khoa học và với doanh nghiệp.

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.1. Các chính sách lớn của nhà nước về giáo dục Đại học

2.1.2. Về tài chính cho giáo dục Đại học

a) Tăng ngân sách nhà nước đầu tư cho GDDH; đầu tư có trọng điểm để hình thành một số cơ sở GDDH chất lượng cao, theo định hướng nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, các ngành công nghệ cao và ngành kinh tế xã hội then chốt đạt trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

b) Nhà nước đặt hàng và bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ đối với các cơ sở GDDH có tiềm lực mạnh về khoa học công nghệ.

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.1. Các chính sách lớn của nhà nước về giáo dục Đại học

2.1.2. Về tài chính cho giáo dục Đại học

c) Thực hiện xã hội hóa GDDH; ưu tiên về đất đai, thuế, tín dụng, đào tạo cán bộ để khuyến khích các cơ sở GDDH tư thục và cơ sở GDDH có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận; ưu tiên cho phép thành lập cơ sở GDDH tư thục có vốn đầu tư lớn, bảo đảm các điều kiện thành lập theo quy định của pháp luật; Cấm lợi dụng các hoạt động GDDH vì mục đích vụ lợi.

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.1. Các chính sách lớn của nhà nước về giáo dục Đại học

2.1.3. về chính sách đối với giảng viên, sinh viên

a) Có chế độ thu hút, sử dụng và đãi ngộ thích hợp để xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, chú trọng phát triển đội ngũ giáo viên có trình độ Tiến sĩ và chức danh PGS, GS của các cơ sở GDDH.

b) Thực hiện chính sách ưu tiên đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đối tượng theo học các ngành đặc thù đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế xã hội; thực hiện bình đẳng giới trong giáo dục Đại học.

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.1. Các chính sách lớn của nhà nước về giáo dục Đại học

2.1.3. về chính sách đối với giảng viên, sinh viên

c) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có quyền và trách nhiệm tiếp nhận, tạo điều kiện để người học, giáo viên thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.2. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục Đại học

Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDDH là một giải pháp quan trọng để cụ thể hóa định hướng phát triển GDDH, đảm bảo sự hợp lý về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền, gắn đào tạo với sử dụng.

Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDDH là sự phân bố, sắp xếp hệ thống các cơ sở giáo dục theo Vị trí địa lý, vùng lãnh thổ trên toàn quốc và từng địa phương, cho từng thời kỳ, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội và quốc phòng, an ninh của đất nước.

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.2. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục Đại học

Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục Đại học giờ đây cũng đã được thể chế hóa trong luật giáo dục Đại học với một số quy định cụ thể về nguyên tắc và nội dung quy hoạch như sau:

2.2.1. các nguyên tắc quy hoạch mạng lưới GDDH phải tuân theo 4 nguyên tắc sau:

1) Phù hợp với chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của đất nước, ngành, vùng, địa phương; đảm bảo cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ và cơ cấu vùng miền; đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân;

2) Bảo đảm tính đa dạng, đồng bộ của hệ thống GDDH, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, với sản xuất và dịch vụ; từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế;

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.2. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục Đại học

2.2.1. các nguyên tắc quy hoạch mạng lưới GDDH phải tuân theo 4 nguyên tắc sau:

- 3) Phù hợp với năng lực đầu tư của nhà nước và khả năng huy động nguồn lực của toàn xã hội; tạo điều kiện để mọi người đều có cơ hội tham gia xây dựng cơ sở GDDH;
- 4) Tập trung đầu tư cho các nhiệm vụ chủ yếu các cơ sở GDDH trọng điểm và các ngành trọng điểm, các vùng kinh tế trọng điểm và các vùng đặc biệt khó khăn.

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.2. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục Đại học

2.2.2. các nội dung quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục Đại học

- a) Cơ cấu Hệ thống GDDH và quy mô đào tạo theo ngành học, trình độ đào tạo, loại hình cơ sở GDDH.
- b) Phân bố các cơ sở GDDH theo tính chất, đặc điểm kinh tế xã hội từng vùng, từng địa phương;
- c) Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục;
- d) Cơ sở vật chất, kỹ thuật.

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.2. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục Đại học

2.2.3. điều chỉnh quy hoạch mạng lưới

Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006- 20 20 hiện đã được điều chỉnh theo quyết định số 37/2013/QĐ-TTg ngày 26/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ của việc điều chỉnh này là một số văn bản phát huy quan trọng đã được ban hành sau khi quy hoạch nói trên được thông qua. Đó là luật giáo dục Đại học ban hành ngày 18/6/2012 và quyết định số 1216/QĐ-TTg Ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011- 2020.

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.2. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục Đại học

2.2.3. điều chỉnh quy hoạch mạng lưới

Một số mục tiêu chính của quy hoạch đã được điều chỉnh sát hợp hơn, cụ thể như sau:

- a) chỉ tiêu 450 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2020 đã được điều chỉnh xuống còn 256 SV/1 vạn dân;
- b) chỉ tiêu 75% giảng viên đại học và 20% giảng viên Cao đẳng có trình độ Tiến sĩ vào năm 2020 đã được điều chỉnh xuống tương ứng là 21% và 4%;
- c) chỉ tiêu đảm bảo đủ diện tích xây dựng, đủ giáo trình, tài liệu, dự kiến đạt được vào năm 2010 được chuyển sang năm 2020;

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.2. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục Đại học

2.2.3. điều chỉnh quy hoạch mạng lưới

Một số mục tiêu chính của quy hoạch đã được điều chỉnh sát hợp hơn, cụ thể như sau:

d) chỉ tiêu đến năm 2010 có 10 trường đại học mà mỗi trường có ít nhất một khoa (ngành) hoặc lĩnh vực đào tạo đạt tiêu chí chất lượng tương đương so với các trường có uy tín trên thế giới; và chỉ tiêu đến năm 2015 có 20 trường đại học đạt tiêu chí nêu trên đã được đề lùi lại sau 5 năm;

đ) chỉ tiêu thụ trên 1,5% vào năm 2015 và 5% vào năm 2020 số lượng sinh viên là người nước ngoài so với tổng số sinh viên cả nước đến học tập, nghiên cứu tại Việt Nam đã được điều chỉnh xuống còn lần lượt là 1% và 3%.

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.3. Phân tầng trong GDĐH

Phân tầng là một khái niệm gắn liền với quá trình đa dạng hóa giáo dục Đại học.

Hiện tượng leo thang về sứ mệnh về lâu dài sẽ dẫn đến sự hội tụ hướng đến một hệ thống GDĐH nhất thể hóa. Nó có khả năng phá vỡ sự đa dạng cần thiết cho sự phát triển bền vững của hệ thống. Để khắc phục tình trạng này, vai trò của các chính phủ trong quản lý GDĐH ngày nay là thực thi sự phân hóa về sứ mệnh, Ở nước ta, Nó được gọi là phân tầng.

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.3. Phân tầng trong GDDH

Khái niệm PHÂN TẦNG được đưa ra vào trong Luật Giáo dục Đại học và được định nghĩa trong Nghị định 73/2015/NĐ-CP ngày 8/9/2015 quy định tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở GDDH như sau: phân tầng cơ sở GDDH là sự sắp xếp thành các nhóm các cơ sở GDDH theo mục tiêu, định hướng đào tạo dựa trên các tiêu chuẩn phù hợp với quy định của Nghị định này.

Cơ sở GDDH được phân thành ba tầng: cơ sở GDDH định hướng nghiên cứu; cơ sở GDDH định hướng ứng dụng và cơ sở GDDH định hướng thực hành

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.3. Phân tầng trong GDĐH

2.3.2. Các tiêu chuẩn phân tầng

Nghị định 73/ 2015/NĐ-CP qui định các tiêu chuẩn phân tầng cơ sở GDĐH bao gồm: Vị trí, vai trò trong hệ thống GDĐH; Quy mô, Ngành nghề và các trình độ đào tạo; cơ cấu hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ

Tiêu chuẩn \ Tầng	Cơ sở GDDH định hướng nghiên cứu	Cơ sở GDDH định hướng ứng dụng	Cơ sở GDDH định hướng thực hành
Vị trí, vai trò	Đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên sâu trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ	Đào tạo chủ yếu theo hướng ứng dụng; nghiên cứu khoa học và công nghệ Tập trung vào phát triển các kết quả nghiên cứu cơ bản	Đào tạo, chuyển năng lực thực hành của người học; nghiên cứu khoa học công nghệ theo hướng triển khai các kết quả nghiên cứu ứng dụng đã đạt được.
Quy mô, ngành nghề và các trình độ đào tạo	Quy mô đào tạo theo định hướng nghiên cứu chiếm tỉ lệ lớn nhất	Quy mô đào tạo định hướng ứng dụng trình độ đại học và thạc sĩ chiếm tỷ lệ lớn nhất	- Quy mô đào tạo định hướng thực hành chiếm tỉ lệ lớn nhất - Đào tạo trình độ đại học là chủ yếu và liên thông với giáo dục nghề nghiệp

Tiêu chuẩn \ Tầng	Cơ sở GDDH định hướng nghiên cứu	Cơ sở GDDH định hướng ứng dụng	Cơ sở GDDH định hướng thực hành
Cơ cấu hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ	-Chi cho hoạt động khoa học công nghệ chiếm ít nhất 20% tổng chi -Giảng viên cơ hữu phải dành ít nhất một nửa thời gian làm việc cho nghiên cứu khoa học -Tỷ lệ giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ không thấp hơn 30% tổng số giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở giáo dục Đại học -Tỷ lệ sinh viên/ giảng viên của các chương trình nghiên cứu không quá 15	- Chi cho hoạt động khoa học và công nghệ chiếm ít nhất 20% tổng chi - Tỷ lệ giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ không thấp hơn 15% tổng số giảng viên, nghiên cứu viên của. - Tỷ lệ bình quân sinh viên/giảng viên không quá 25	. Chi cho hoạt động khoa học công nghệ, sản xuất thử nghiệm, phát triển tỷ lệ ít nhất 10% tổng chi.

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.3. Phân tầng trong GDĐH

2.3.2. Các tiêu chuẩn phân tầng

3 điều kiện để được phân tầng:

- 1) Đã được kiểm định chất lượng đạt yêu cầu và còn giá trị hiệu lực bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) Được bộ giáo dục và Đào tạo công nhận;
- 2) Đã được tổ chức phân tầng và xếp hạng đánh giá ngoài và đề nghị xem xét công nhận phân tầng;
- 3) Đạt ít nhất 75% các chỉ số của các tiêu chí theo tiêu chuẩn phân tầng tương ứng, trong đó có ít nhất một chỉ số đạt yêu cầu.

2. Chính sách phát triển giáo dục Đại học

2.3. Phân tầng trong GDĐH

2.3.2. Các tiêu chuẩn phân tầng

Đánh giá và phân tầng cơ sở giáo dục Đại học được thực hiện theo chu kỳ 10 năm bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có năng lực, kinh nghiệm và uy tín do Bộ Giáo dục và Đào tạo của lựa chọn để giao nhiệm vụ.

Kết quả phân tầng được bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định và trình thủ tướng Chính phủ công nhận.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.3. Mô hình quản trị đại học ở Việt Nam

3.4. Đổi mới quản trị cơ sở giáo dục Đại học trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

QL nhà nước về GDĐH và quản trị cơ sở GDĐH đều có một nội hàm chung. Đó là sự chỉ đạo, điều hành của chủ thể quản lý nên khách thể quản lý nhằm đạt các mục tiêu xác định. Sự khác nhau chỉ là ở chủ thể quản lý và khách thể quản lý. Trong quản trị cơ sở GDĐH thì chủ thể quản lý là bộ máy lãnh đạo nhà trường, còn khách thể quản lý là cơ sở GDĐH

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

Nội dung quản trị cơ sở GDDH cũng bao gồm các công việc như Lập kế hoạch chiến lược, Tổ chức đào tạo, Quản lý tài chính, Quản lý nhân sự, Bảo đảm và Kiểm định chất lượng, Giám sát và đánh giá. Mục đích quản trị cơ sở giáo dục Đại học là thực hiện sứ mệnh và chiến lược phát triển nhà trường.

Cơ sở GDDH là một thành tố của hệ thống giáo dục quốc dân vì vậy quản trị cơ sở GDDH chịu sự quy định của quản lý nhà nước về GDĐH. Vì vậy, cùng với sự chuyển động, đổi mới trong QLNN về GDĐH là sự chuyển động, đổi mới của cơ sở GDDH.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.1. Quản trị cơ sở giáo dục Đại học

3.1.2. Tự do học thuật

3.1.3. tự chủ đại học

3.1.4. Trách nhiệm giải trình

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.1. Quản trị cơ sở giáo dục Đại học

Cho đến cuối thế kỷ XIX, QLGD nói chung, Quản trị cơ sở GDĐH nói riêng chủ yếu được coi là một công việc dựa trên kinh nghiệm, kỹ năng thực hành, lương tri thông thường cùng một tư duy áp đặt từ trên xuống. (Berry J.E., năm 1916, trong giáo trình Public School Administration, viết rằng đó là “một nghề mới, một nghề rồi đây sẽ đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống Mỹ”).

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.1. Quản trị cơ sở giáo dục Đại học

Đó là mô hình quản lý quan liêu (bureacracy), theo cách gọi của Weber. Đặc trưng cơ bản của mô hình này là tập trung về mặt quản lý, tôn tin về mặt cấu trúc, mọi quyết định được thực hiện từ trên xuống, mọi việc làm được thực hiện theo quy trình và quy định từ trên xuống dưới, với mục tiêu chính là đảm bảo kết quả công việc.

Người đứng ở trên đỉnh của cấu trúc tôn ti được coi là người có nhiều thông tin nhất để ra quyết định. Về quản lý nhà nước, đó là mô hình quản lý công truyền thống như đã trình bày ở trên. Về quản trị cơ sở GDDH, cơ bản đó là mô hình quản lý tập trung theo kiểu của các cơ quan hành chính công trong đó đội ngũ giáo viên, nghiên cứu viên của cơ sở công lập được tuyển dụng, hưởng lương, xếp biên chế và thực thi nhiệm vụ như công chức; Việc lập kế hoạch, thu chi tài chính, tổ chức bộ máy tuân theo các chỉ đạo từ trên xuống.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.2. Tự do học thuật

Theo Britannica Concise Encyclopedia (Bách khoa toàn thư Anh) thì đại học Halle thành lập năm 1694 ở Đức được coi là nơi đầu tiên đề cao tinh thần đại học. Chủ nghĩa tự do học thuật này phát triển mạnh mẽ tại các đại học Đức, lan rộng sang các đại học Châu Âu, Mỹ và đến thế kỷ XIX được khái quát trong mô hình đại học Humboldt - mô hình đại học đề cao giảng dạy và nghiên cứu, dựa trên quyền tự chủ nhà trường và tự do học thuật.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.2. Tự do học thuật

Châu Âu Thế kỷ thứ XIX, với sự chuyển giao quyền lực và giáo dục ở nhà thờ sang nhà nước, thì tự chủ đại học được hiểu là mối quan hệ Quyền lực giữa đội ngũ giảng viên Nhà trường với cơ quan nhà nước trong việc quyết định những hoạt động của nhà trường.

Tự chủ đại học được đặt trên nền tảng tư tưởng của Humboldt với 3 cột đỡ chính là *tự do giảng dạy, tự do học tập, giảng dạy gắn với nghiên cứu*.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.2. Tự do học thuật

- Hiệp hội quốc tế các đại học (IAU) định nghĩa tự chủ đại học là thẩm quyền quyết định về những vấn đề: Ai sẽ dạy, Cái gì sẽ được dạy, Ai sẽ học, Ai sẽ tốt nghiệp, và Cái gì sẽ được nghiên cứu, cùng với một số chỉ dẫn đại khái về tài chính” - theo nghĩa này thì ***tự chủ đại học giới hạn chủ yếu ở quyền tự do học thuật.***
- Cuối những năm 1970, Tổ chức OECD tiến hành khảo sát về quyền tự chủ tại 52 cơ sở giáo dục Đại học Châu Âu cho thấy, nhìn chung ngân sách nhà nước **vẫn được phân bổ chi tiết theo hạng mục chi và rất nhiều vấn đề, kể cả một số vấn đề học thuật, vẫn thuộc quyền quyết định của quan chức nhà nước**

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.3. tự chủ đại học

Giữa những năm 1980, nhận thức về vai trò giáo dục có sự thay đổi căn bản. Giáo dục được coi là động lực của sự phát triển kinh tế xã hội; giáo dục chuyển từ lĩnh vực chi phí xã hội sang lĩnh vực đầu tư phát triển. Vì thế, sang đầu những năm 1990, phát triển giáo dục, đặc biệt là Giáo dục Đại học, được đặt ở vị trí trung tâm của các chiến lược phát triển đất nước.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.3. tự chủ đại học

GDDH chuyển từ mô hình Quản lí cũ: Nhà nước Kiểm soát sang việc trao quyền cho các Đại học: các đại học có quyền nhiều hơn chịu trách nhiệm giám sát của Nhà nước và xã hội – đó là mẫu hình chung của quản trị giáo dục đại học.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.3. tự chủ đại học

Trong mô hình nhà nước giám sát, nhà nước không buông lỏng vai trò chỉ đạo, nhưng đó chỉ là chỉ đạo từ xa, trong khi đó trường đại học được giao quyền tự chủ nhiều hơn trong các quyết định liên quan đến chương trình giáo dục, thi cử, văn bằng, tổ chức, nhân sự, tài chính...

Nhà trường cũng được khuyến khích sử dụng cơ chế thị trường trong việc nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh, nhưng với điều kiện phải đảm bảo hoàn thiện bộ máy quản lý, chịu trách nhiệm trước nhà nước và xã hội về kết quả đầu ra và chất lượng đào tạo. Tự chủ đại học đã không còn chỉ giới hạn trong mối quan hệ giữa Nhà nước và nhà trường mà đã có sự tham gia của 2 chủ thể mới: xã hội dân sự và thị trường.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.3. tự chủ đại học

Tự chủ đại học là thẩm quyền của cơ sở GDDH trong việc quyết định những vấn đề về tổ chức và hoạt động của cơ sở. Tự do học thuật là quyền của giảng viên trong truyền thụ, theo đuổi, khám phá tri thức và chân lý trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu. Các quyền trên không chỉ bị ràng buộc bởi quan hệ nhà nước - nhà trường mà còn phải đặt trong khuôn khổ của một “khế ước xã hội trong đó quy định trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ giữa Trường đại học và Xã hội sao cho các nguyên tắc cơ bản của trường đại học có thể đáp ứng những thách thức của thiên niên kỷ mới”

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.3. tự chủ đại học

Tuyên bố năm 1998 của IAU (Hiệp hội các trường ĐH quốc tế) về tự do học thuật và tự chủ đại học đã đưa ra các định nghĩa sau:

- “Nguyên tắc về tự chủ đại học có thể được hiểu là mức độ độc lập cần thiết đối với sự can thiệp bên ngoài mà nhà trường Đại học cần có trong tổ chức và quản trị nội bộ, trong phân bổ nội bộ các nguồn lực tài chính và huy động thu nhập từ các nguồn ngoài ngân sách, trong tuyển dụng giảng viên, trong quy định các điều kiện học tập, và cuối cùng, trong việc tự do giảng dạy và nghiên cứu”.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.3. tự chủ đại học

Tuyên bố năm 1998 của IAU (Hiệp hội các trường ĐH quốc tế) về tự do học thuật và tự chủ đại học đã đưa ra các định nghĩa sau:

- “Nguyên tắc về tự do học thuật có thể được hiểu là quyền tự do của các thành viên trong cộng đồng học thuật, nghĩa là học giả, giảng viên và sinh viên, trong việc theo đuổi các hoạt động học thuật trong khuôn khổ về quy tắc đạo đức, chuẩn mực quốc tế và không có áp lực bên ngoài, do cộng đồng đó quy định”.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.3. tự chủ đại học

Các khái niệm tự chủ đại học và tự do học thuật đã được đại hội đồng UNESCO đưa ra trước đó vào tháng 11 năm 1997 khi nhất trí thông qua bản Khuyến nghị về vị thế Giáo dục Đại học:

- “Tự chủ là mức độ tự quản mà cơ sở giáo dục Đại học cần có để ra quyết định hữu hiệu về công tác chuyên môn, các chuẩn mực, nhiệm vụ quản lý và các hoạt động liên quan, nhất quán với các hệ thống giải trình công, đặc biệt là giải trình về ngân sách nhà nước, về sự tôn trọng quyền tự do học thuật và quyền con người. Tuy nhiên, bản chất về quyền tự chủ nhà trường có thể thay đổi tùy theo loại nhà trường” (UNESCO 1977: điểm 17).

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.3. tự chủ đại học

Các khái niệm tự chủ đại học và tự do học thuật đã được đại hội đồng UNESCO đưa ra trước đó vào tháng 11 năm 1997 khi nhất trí thông qua bản Khuyến nghị về vị thế Giáo dục Đại học

- UNESCO cũng làm rõ khái niệm tự do học thuật, đó là “quyền tự do giảng dạy và tranh luận mà không bị ràng buộc bởi bất kỳ chủ thuyết nào, quyền tự do nghiên cứu, truyền bá và công bố kết quả, quyền tự do bày tỏ chính kiến về nhà trường hoặc hệ thống nơi làm việc, quyền tự do không chịu sự kiểm duyệt của nhà trường, và quyền tự do tham gia các tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan đại diện về học thuật” (UNESCO, 1997: điểm 27).

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.4. Trách nhiệm giải trình

- Trong mô hình nhà nước **kiểm soát**, giải trình là giải trình với cơ quan cấp trên và nội dung giải trình tập trung chủ yếu vào việc tuân thủ các quy định, chỉ thị và chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước.
- Trong mô hình nhà nước **giám sát**, việc giải trình bao gồm cả giải trình với cấp trên lẫn giải trình với nhà trường và xã hội. Nội dung giải trình cũng thay đổi cơ bản: báo cáo giải trình chủ yếu là kết quả hoạt động của nhà trường, bao gồm hiệu quả chi phí, chất lượng đầu ra, tỉ lệ tốt nghiệp, khả năng kiểm được việc làm của sinh viên ra trường, Nói chung là những cam kết mà Nhà trường đã tuyên bố trong chiến lược phát triển khi được trao quyền tự chủ.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.4. Trách nhiệm giải trình

Sự đánh đổi:

“Khi các chính phủ trao cho các cơ sở GDĐH nhiều quyền tự do hoạt động hơn, họ cũng đồng thời đòi hỏi tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý trong nội bộ nhà trường và thể chế hóa các giải pháp nhằm đảm bảo trách nhiệm giải trình và chất lượng nhà trường” [Van Guth, Frans, Patterns of governance in higher education: Concepts and trends (Các mô hình quản trị trong giáo dục đại học: Khái niệm và xu hướng), Paris: UNESCO, 1993, trang 28]

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.4. Trách nhiệm giải trình

Trong mô hình nhà nước giám sát, khi nhà nước rút khỏi rất nhiều cách thức kiểm soát trước kia trong tổ chức và hoạt động của nhà trường, thì cùng với việc tăng cường các nhu cầu về giải trình, Nhà nước đã có sự kiểm soát mới, đó là kiểm soát từ xa.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.4. Trách nhiệm giải trình

Để đảm bảo yêu cầu trách nhiệm giải trình, các cơ sở GDĐH đều phải xây dựng và bảo trì các cơ sở dữ liệu phù hợp và cập nhật, cần thiết cho những minh chứng định lượng trong báo cáo. Đó là các chứng minh nhằm chỉ ra việc hoàn thành các chỉ tiêu (về giảng dạy, học tập, nghiên cứu, qui mô phát triển, kết quả đầu ra, thu chi,...), sự phát triển của nhà trường trên những phương diện nhất định từ năm này qua năm khác, sự đánh giá so sánh trong tương quan giữa trường này với trường khác.

Bên cạnh các hệ thống giải trình nêu trên do nhà trường thực hiện, còn phải kể thêm hai hệ thống giải trình độc lập do các cơ quan bên ngoài thực hiện. Đó là **Kiểm toán và Kiểm định** chất lượng.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.1. Quản trị cơ sở GDĐH

3.1.4. Trách nhiệm giải trình

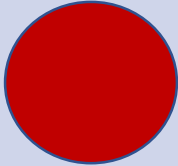
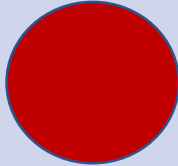
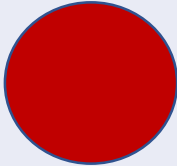
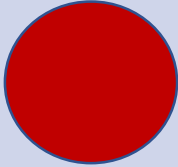
Sự phong phú và đa dạng của các hệ thống giải trình một mặt đem lại công cụ hữu hiệu cho các hiệu trưởng trong việc đánh giá việc thực thi quyền tự chủ đại học, mặt khác, tạo sự hài lòng và niềm tin cho tất cả các bên có liên quan (sinh viên, phụ huynh, cơ quan quản lý, các tổ chức xã hội dân sự, doanh nghiệp) về chất lượng, hiệu quả và minh bạch của nhà trường trong việc sử dụng các nguồn lực để thực thi sứ mệnh của mình.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

Bảng 1. Các kiểu phân chia thẩm quyền quản lý ở Giáo dục Đại học dựa theo nghiên cứu của Clark (1993), Phạm Phú (2005)

- Kiểu 1 đặc trưng của Châu Âu Lục Địa là kiểu nặng trên và dưới: nặng trên tức là cấp Chính phủ/Bộ giữ quyền tập trung về tổ chức, tài chính, nhân sự; nặng dưới, tức là cấp Khoa và bộ môn giữ Quyền tuyệt đối về chuyên môn trên cơ sở tự do học thuật.
- Kiểu 2 của nước Anh, vẫn nặng dưới, nhưng đã có sự phân cấp mạnh mẽ giữa cấp bộ và cấp Trường.
- Kiểu 3 của Hoa Kỳ là kiểu nặng giữa, tập trung quyền lực chủ yếu ở cấp trường để đảm bảo sự gắn kết giữa nhà trường với môi trường kinh tế xã hội khắc phục tình trạng tham gia của kiểu 1 và kiểu 2.
- Kiểu 4 và kiểu 5 là kiểu nặng trên đặc trưng của các nước đang phát triển và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây.

	Kiểu I	Kiểu II	Kiểu III	Kiểu IV và V
Chính phủ/Bộ				
Trường Đại học				
Khoa/Bộ môn				

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

Từ những năm 1990, do tác động của xu thế thị trường hóa trong giáo dục Đại học, mô hình phân chia thẩm quyền quản lý giáo dục Đại học ở các nước châu Âu, kể cả các nước Đông Âu cũng như nhiều nước đang phát triển, chuyển dần sang mô hình nặng giữa đặc trưng của đại học Hoa Kỳ. Đó là bước chuyển sang mô hình quản lý công mới trong quản lý nhà nước về giáo dục Đại học, cùng với đó là mô hình tự chủ trong quản trị cơ sở giáo dục Đại học

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

Mô hình quản trị đại học cụ thể của các quốc gia đều có sự khác biệt. Mô hình quản trị đại học được hiểu là mối quan hệ về phân chia thẩm quyền giữa các chủ thể trong chỉ huy, điều hành tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục Đại học. *Các chủ thể này giờ đây không còn giới hạn trong hai nhân vật chính là nhà nước và nhà trường mà đã có thêm sự tham dự của 2 chủ thể mới là thị trường và xã hội dân sự.*

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

Mô hình quản trị đại học không chỉ có sự khác biệt giữa quốc gia này với quốc gia khác mà còn là một **mô hình động ngay trong phạm vi một quốc gia** tùy theo vai trò và mức độ tham gia của từng chủ thể do tác động của rất nhiều yếu tố, cả ngoài và trong hệ thống giáo dục Đại học, bao gồm chế độ chính trị, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, truyền thống văn hóa, thị trường lao động, quan hệ quốc tế, nhu cầu xã hội về giáo dục Đại học, cơ cấu Giáo dục Đại học...

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.1. Mô hình quản trị đại học ở Hoa Kỳ

Đây là mô hình tiêu biểu cho quản trị đại học theo định hướng thị trường. Trong mô hình này, vai trò của Chính phủ không phải là ở chỗ thiết kế và lập kế hoạch phát triển giáo dục Đại học mà là thúc đẩy đảm bảo chất lượng, như và cạnh tranh

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.1. Mô hình quản trị đại học ở Hoa Kỳ

- Luật giáo dục Đại học Hoa Kỳ chỉ giới hạn trong việc hỗ trợ tài chính cho sinh viên theo học các chương trình sau trung học, đại học và sau đại học; Quy định về việc cấp kinh phí theo nguyên tắc cạnh tranh cho các chương trình khác nhau để phát triển giáo dục Đại học.
- Chức năng quản lý nhà nước về giáo dục Đại học của chính phủ Liên bang chỉ giới hạn trong việc xây dựng chính sách để khuyến khích cạnh tranh và nâng cao chất lượng của giáo dục Đại học; các nội dung khác về quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của các bang.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.1. Mô hình quản trị đại học ở Hoa Kỳ

Mỗi Bang có trách nhiệm quản lý các cơ sở GDDH thuộc Bang mình theo ***mô hình chủ đạo là mô hình nhà nước giám sát***, với sự giao quyền tự chủ cho các cơ sở GDDH. Tuy nhiên, mức độ tự chủ cũng khác nhau giữa các bang. Theo Aims [Aims Mc Guinness, Autonomy and accountability in higher education - Tự chủ và trách nhiệm trong giáo dục đại học, Presentation to Conference Mysore, India, 2008] thì tùy theo bang mà các đại học nghiên cứu có thể có mức độ tự chủ từ cao đến thấp theo các loại hình như sau: 1. Đại học được tổ chức theo mô hình Tập Đoàn (25 bang); 2. Đại học có sự hỗ trợ của bang (23 bang); 3. Đại học chịu sự kiểm soát của bang (2 bang).

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.1. Mô hình quản trị đại học ở Hoa Kỳ

Để thực hiện các chức năng giám sát, chính quyền bang dựa chủ yếu vào các ban tín thác mà thành viên là các công dân bên ngoài nhà trường và đại diện cho lợi ích công. *Quyền hạn của các ban này cũng khác nhau giữa các bang, và nằm giữa hai đầu cực: một đầu là quyền hạn lớn trong việc xây dựng chính sách giáo dục, quyết định các mức kinh phí, đề ra các yêu cầu giải trình, phê duyệt các chương trình giáo dục mới; một đầu là quyền hạn chỉ giới hạn trong việc tư vấn.*

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.1. Mô hình quản trị đại học ở Hoa Kỳ

Để giám sát tự chủ của các đại học có 2 loại tổ chức xã hội dân sự: các tổ chức kiểm định và các hiệp hội có vai trò lớn trong Quản trị Đại học.

- Các tổ chức kiểm định có trách nhiệm đánh giá và công nhận chất lượng các cơ sở GDDH trên cơ sở Thiết lập các chuẩn tối thiểu mà các cơ sở giáo dục Đại học phải đáp ứng trong xây dựng chương trình, trình độ giảng viên, kết quả học tập đầu ra của sinh viên, thu chi tài chính.
- Các hiệp hội đóng vai trò đại diện cho lợi ích của các cơ sở giáo dục Đại học trước chính quyền liên bang và bang.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.1. Mô hình quản trị đại học ở Hoa Kỳ

Về tài chính, nguồn thu của các cơ sở GDĐH ***một mặt dựa vào ngân sách nhà nước, mặt khác dựa vào các nguồn thu mang tính thị trường tùy thuộc vào chất lượng dịch vụ*** (giáo dục, nghiên cứu khoa học và các dịch vụ khác) được cơ sở cung cấp. Các nguồn thu này bao gồm học phí, lệ phí, các hợp đồng với chính quyền bang hoặc liên bang, các hợp đồng dịch vụ, đầu tư. Ngoài ra, còn một khoản thu rất quan trọng đặc trưng của giáo dục Đại học Hoa Kỳ, là quà và hiến tặng.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.1. Mô hình quản trị đại học ở Hoa Kỳ

Tổ chức bộ máy của các cơ sở giáo dục Đại học cũng có nhiều khác biệt tùy theo quy mô và loại trường, tuy nhiên vẫn có một số điểm chung như sau: Có Ban tín thác và Hiệu trưởng.

Ban tín thác là cơ quan quản lý cao nhất của cơ sở giáo dục Đại học, có trách nhiệm xác lập sứ mệnh và chiến lược nhà trường, bảo đảm và giám sát các hoạt động tài chính, đánh giá kết quả hoạt động của nhà trường và hiệu trưởng. Số lượng thành viên của ban tín thác vào khoảng 10 người đối với các cơ sở công lập (thường là do chính quyền bang bổ nhiệm) và 50 người đối với các cơ sở tư thục phi lợi nhuận (do cơ sở tự lựa chọn).

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.1. Mô hình quản trị đại học ở Hoa Kỳ

Tổ chức bộ máy của các cơ sở giáo dục Đại học cũng có nhiều khác biệt tùy theo quy mô và loại trường, tuy nhiên vẫn có một số điểm chung như sau: Có Ban tín thác và Hiệu trưởng.

Hiệu trưởng là người được ban tín thác thuê và có trách nhiệm quản lý hành chính mở hoạt động của nhà trường, từ việc tổ chức thực hiện chiến lược đến việc thiết lập các hệ thống giải trình, quản lý tài chính.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.1. Mô hình quản trị đại học ở Hoa Kỳ

Giúp việc hiệu trưởng là các trợ lý và các phó hiệu trưởng. Đó là các trợ lý về pháp lý, về hành chính, về quan hệ với chính quyền,... số lượng phó hiệu trưởng có thể lên tới 10 người trong các đại học lớn, bao gồm các phó hiệu trưởng về hành chính, về phát triển, về cơ sở vật chất và tài chính, về kế hoạch và nghiên cứu, về công tác HSSV, về quan hệ đại học.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.2. Mô hình quản trị đại học ở Pháp

Đây là trường hợp điển hình của mô hình đang chuyển động sang quản trị đại học theo định hướng thị trường nhưng vẫn chưa thoát khỏi các di sản của một hệ thống vốn có truyền thống quản lý tập trung. Cho đến đầu những năm 2000, mặc dù đã có luật về hiện đại hóa GDĐH với việc giao nhiều quyền tự chủ về quản lý và về chuyên môn cho cơ sở GDĐH, nhưng nhà nước vẫn giữ vai trò chính trong quản lý tài chính, điều kiện nhập học, thiết kế chương trình giáo dục, đánh giá các chương trình nghiên cứu khoa học và quản lý giảng viên.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.2. Mô hình quản trị đại học ở Pháp

Chỉ đến khi chỉ có 1 ĐH của Pháp nằm trong có mặt trong top 100 của bảng xếp hạng năm 2003 Đại học Giao thông Thượng Hải, không có trường Đại học nào của Pháp nằm trong top 100 của bảng xếp hạng Times Higher Education cùng năm, GDĐH của Pháp mới chuyển mình tạo nên bước chuyển đặc trưng của mô hình quản trị Đại học Pháp hiện nay, mô hình đó được gọi là đa chiều: vừa định hướng thị trường, vừa bảo đảm sự quản lý của nhà nước, vừa hướng tới mô hình Humboldt.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.2. Mô hình quản trị đại học ở Pháp

Nhà nước vẫn giữ vai trò can thiệp của mình trong giáo dục. Đối với các cơ sở GDDH, nhà nước là người thiết kế quyền tự chủ nhà trường theo kiểu từ trên xuống và dẫn dắt quá trình chuyển động của hệ thống sang cạnh tranh và thị trường. **Ở mỗi vùng (trong tổng số 22 vùng hành chính của nước Pháp) đều có giám đốc academy đóng vai trò vừa là đại diện cho bộ trưởng Giáo dục Đại học, vừa là Thủ trưởng của các đại học đóng tại vùng đó, chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, giám sát việc thực hiện quyền tự chủ của các trường đại học, phối hợp hoạt động của các đại học trong vùng, gắn kết GDDH với GDPT.**

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.2. Mô hình quản trị đại học ở Pháp

Theo luật giáo dục năm 2007, các trường có các quyền tự do và trách nhiệm của các đại học. Đó là các quyền tự chủ về tài chính (sử dụng ngân sách được cấp trọn gói), về nhân sự (trong tuyển dụng và đãi ngộ), về tuyển sinh và Đào tạo, về nghiên cứu khoa học.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.2. Mô hình quản trị đại học ở Pháp

Hội đồng quản trị thực hiện sự giám sát hoạt động của các đại học. Hội đồng là cơ quan đầu não, gồm từ 20-30 thành viên đại diện cho cộng đồng nhà trường, chính quyền địa phương và doanh nghiệp, có trách nhiệm bầu ra hiệu trưởng, thông qua đề án phát triển trường do hiệu trưởng đề xuất và chỉ đạo việc tổ chức thực hiện. Hội đồng quản trị có trách nhiệm phối hợp với 2 hội đồng tư vấn là hội đồng khoa học và hội đồng sinh viên.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.2. Mô hình quản trị đại học ở Pháp

Hiệu trưởng là người đứng đầu cả ba hội đồng, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác hàng năm và tổ chức thực hiện trên cơ sở phát huy quyền tự chủ nhà trường qua việc thực hiện hợp đồng ký kết giữa nhà nước và cơ sở GDĐH trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược (đã được thông qua trong đề án phát triển 4 năm) với việc khẳng định bản sắc của mình trên cơ sở tôn trọng chính sách quốc gia thống nhất

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.3. Mô hình quản trị đại học ở Nhật Bản

Trong vòng 10 năm trở lại đây, mô hình quản trị đại học ở Nhật Bản có những đột phá trong đổi mới quản trị đại học thay vì cách tiếp cận từng bước thường thấy ở nhiều nước, kể cả phát triển và đang phát triển.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.3. Mô hình quản trị đại học ở Nhật Bản

Việc ban hành Luật tập đoàn Đại học quốc gia năm 2004. Theo đó, 87 trường Đại học Quốc Gia chuyển từ vị thế cơ quan nhà nước sang vị thế tập đoàn công bán tự chủ với quyền tự chủ rộng rãi trong tuyển dụng và sa thải giảng viên, quyết định quy mô tuyển sinh, vay vốn, sở hữu trường và thiết bị, chi tiêu và quyết định lương. Các đại học quốc gia này vẫn được nhà nước cấp kinh phí trọn gói căn cứ vào kế hoạch hành động 6 năm đã được phê duyệt, đồng thời cạnh tranh với nhau trong việc thu hút sinh viên, giáo viên và các nguồn thu khác.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.3. Mô hình quản trị đại học ở Nhật Bản

Chức năng quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục quy về xây dựng khuôn khổ chung cho hệ thống GDĐH, phân bổ nguồn lực tài chính và giám sát hoạt động của hệ thống. Để tập trung vào quản lý vĩ mô, không sa đà vào sự vụ, bộ Giáo dục cũng chuyển giao một số chức năng mang tính kỹ thuật trong quản lý GDĐH Cho một số cơ quan trung gian (như Hội Xúc tiến Khoa học với nhiệm vụ lựa chọn và đánh giá các chương trình nghiên cứu, phân bổ nguồn lực nghiên cứu, thúc đẩy hợp tác quốc tế về nghiên cứu; tổ chức dịch vụ sinh viên với nhiệm vụ quản lý các chương trình học bổng, các chương trình hỗ trợ sinh viên kể cả sinh viên quốc tế. Các tổ chức xã hội dân sự như Hiệp hội các đại học quốc gia, Liên đoàn các đại học tư thục, Hiệp hội quản lý giáo dục, Hiệp hội nghiên cứu Giáo dục Đại học cũng tham gia vào công tác quản lý thông qua việc đóng góp ý kiến vào tiến trình xây dựng chính sách giáo dục).

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.3. Mô hình quản trị đại học ở Nhật Bản

- Cơ cấu quản trị của đại học quốc gia cũng thay đổi mạnh mẽ: Tổ chức và hoạt động của nhà trường được thực hiện theo kế hoạch trung hạn 6 năm được bộ Giáo dục phê duyệt, cấp kinh phí trọn gói và đánh giá khi kết thúc. *Quyền lực Nhà trường vốn trước đây được tập trung ở đội ngũ giáo viên nay chuyển sang ba cơ quan là hội đồng quản trị, ban giám đốc, hội đồng giáo dục và nghiên cứu.*
- *Hiệu trưởng là người đứng đầu ba cơ quan nói trên*, đóng vai trò như một giám đốc điều hành doanh nghiệp với những quyền hạn tương ứng. Cuối cùng, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, nhân viên Nhà trường, cũng chuyển từ vị thế viên chức nhà nước sang vị thế người lao động theo hợp đồng.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.4. Mô hình quản trị đại học ở Malaysia

- Phần lớn các nước Đông Nam Á tiến hành đổi mới quản trị đại học theo kiểu từng bước một, với đặc trưng cơ bản là nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong quản trị đại học. Malaysia là một trường hợp điển hình của mô hình quản trị tập trung trong đó các cơ sở giáo dục Đại học chỉ có một số ít quyền tự chủ.
- Cuối những năm 1990, Giáo dục Đại học Malaysia được tái cơ cấu theo định hướng: tư nhân hóa giáo dục Đại học, tập đoàn hóa các trường đại học công và mở rộng vai trò của nhà nước (Malaysia là một trong những nước đi đầu trong khu vực trong việc tư nhân hóa giáo dục Đại học).

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.4. Mô hình quản trị đại học ở Malaysia

Do yêu cầu mở rộng quy mô giáo dục Đại học, Chính phủ Malaysia chính thức quy định khu vực tư nhân là nguồn cung ứng giáo dục bổ sung bên cạnh nhà nước. Cùng với quá trình tư nhân hóa về giáo dục Đại học là việc tập đoàn hóa các trường đại học công, theo đó các trường đại học được khuyến khích tiến hành các hoạt động thị trường nhằm tăng thêm nguồn thu để nâng cao thu nhập của cán bộ, giảng viên, góp phần hiện đại hóa nhà trường. Tuy nhiên, nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong cung ứng và quản lý giáo dục

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.4. Mô hình quản trị đại học ở Malaysia

Nhà nước duy trì mô hình quản lý tập trung, coi đó là cách thức hữu hiệu nhất để Giáo dục Đại học Malaysia không bị làm đường trên tiến trình thị trường Hóa, đáp ứng lợi ích quốc gia và trở thành trung tâm ưu tú của khu vực.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.4. Mô hình quản trị đại học ở Malaysia

Năm 2007, với việc ban hành chiến lược Giáo dục Đại học Quốc gia 2020 và chương trình hành động giáo dục quốc gia 2007- 2020, vấn đề đặt ra là Giáo dục Đại học Malaysia phải đổi mới phù hợp với những chuyển động của giáo dục thế giới. Theo đó, Tư tưởng quản lý công mới được đưa vào trong mô hình quản trị đại học. Để vươn lên các chuẩn mực đẳng cấp quốc tế, tất cả các đại học công sẽ được trao quyền tự chủ đối với một số vấn đề, trừ vấn đề tài chính. Đổi lại các đại học công phải có trách nhiệm giải trình thông qua kiểm định.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.4. Mô hình quản trị đại học ở Malaysia

Trên thực tế, các cơ sở giáo dục Đại học Malaysia vẫn chịu sự quản lý chặt chẽ của Bộ Giáo dục Đại học từ khâu tuyển sinh đến xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, quản lý tài chính, quản lý nhân. Ngân sách nhà nước vẫn chiếm đến 90% kinh phí hoạt động của các cơ sở giáo dục Đại học công lập, giảng viên và nghiên cứu viên của các cơ sở này là viên chức và hưởng lương theo quy định của nhà nước.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.4. Mô hình quản trị đại học ở Malaysia

Gần đây, một mô hình quản trị GDĐH mới ở Malaysia được đưa ra với những nội dung cơ bản sau đây: 1. Bộ Giáo dục Đào tạo chuyển từ vai trò kiểm soát sang giám sát với chức năng chính là xây dựng chính sách và tạo điều kiện cho sự phát triển GDĐH; 2. Các cơ sở GDĐH được giao quyền tự chủ toàn phần hoặc từng phần tùy theo mức độ sẵn sàng và năng lực của cơ sở; 3. Quyền tự chủ này được thực hiện trong khuôn khổ pháp lý do chính phủ quy định cùng với trách nhiệm giải trình mà cơ sở GDĐH phải tuân thủ;

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.2. Mô hình quản trị đại học của một số quốc gia

3.2.4. Mô hình quản trị đại học ở Malaysia

Gần đây, một mô hình quản trị GDĐH mới ở Malaysia được đưa ra với những nội dung cơ bản sau đây: 4. Các cơ sở GDĐH công lập ký hợp đồng 5 năm với bộ, được cấp kinh phí và được đánh giá theo kết quả đầu ra; 5. Các cơ sở GDĐH tư thục có trách nhiệm tăng cường công tác bảo đảm chất lượng và được quyền tiếp cận nguồn kinh phí chính phủ tùy theo mức độ và kết quả tham gia khung bảo đảm chất lượng quốc gia.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.3. Mô hình quản trị đại học ở Việt Nam

Cho đến trước luật giáo dục 1998, Quản lý Giáo dục Đại học là quản lý tập trung theo kiểu thứ V về phân chia thẩm quyền trong bảng phân loại nêu trên. Với quy định về quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục Đại học trong luật giáo dục năm 1998, các nhà hoạch định chính sách chủ trương thiết lập kiểu thứ IV trong mô hình quản trị Giáo dục Đại học Việt Nam.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.3. Mô hình quản trị đại học ở Việt Nam

Trong quan hệ giữa Nhà nước và nhà trường, cơ sở GDĐH Việt Nam được trao quyền tự chủ trên một số mặt công tác như Xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, học tập; Tổ chức tuyển sinh, tổ chức quá trình đào tạo; Tổ chức bộ máy nhà trường; Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền tự chủ trên được ràng buộc bởi yêu cầu “theo quy định của pháp luật và Điều lệ nhà trường” (điều 55, luật giáo dục năm 1998). Nghĩa là phải chờ các văn bản hướng dẫn dưới luật.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.3. Mô hình quản trị đại học ở Việt Nam

Đến năm 2002, chính phủ mới ban hành nghị định số 10/2002/ NĐ-CP ngày 16/ /1/ 2002, về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu, hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ tài chính của đơn vị này trong đó có cơ sở GDĐH. Năm 2003, Ttg CP ban hành Điều lệ trường ĐH, bước đầu làm rõ việc thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục Đại học trong các mặt công tác nói trên

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.3. Mô hình quản trị đại học ở Việt Nam

Từ hành lang pháp lý đến tổ chức thực hiện còn rất nhiều rào cản không dễ vượt qua về tư duy và nhận thức, trình độ năng lực, quyền lực và quyền lợi, văn hóa và tập tục,... Thực tiễn triển khai Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16/ 1/ 2002 cũng như điều lệ trường đại học không tạo được bước chuyển biến trong việc thực hiện tự chủ đại học và vì thế mô hình kiểu IV nêu trên vẫn chỉ là cái đích hướng tới còn GDĐH Việt Nam vẫn đang trong quá trình chuyển đổi chậm chạp từ mô hình V sang mô hình IV.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.3. Mô hình quản trị đại học ở Việt Nam

- Luật giáo dục năm 2005 xác lập một bước chuyển biến mới quan trọng trong việc thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở GDĐH Việt Nam. Các cơ chế đảm bảo quyền tự chủ được thiết lập: đó là cơ chế hội đồng trường và cơ chế kiểm định chất lượng.
- Trên cơ sở các quy định pháp luật nói trên, ngày 25/4/ 2006 chính phủ ban hành nghị định số 43/2006/NĐ-CP quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Có thể nói, quyền tự chủ của trường Đại học Việt Nam nói chung, cơ sở GDĐH nói riêng đã được mở rộng rất nhiều. Trong mối quan hệ So sánh vào năm 2006 với các nước trong khu vực và trên thế giới, cơ sở giáo dục Đại học Việt Nam, ít ra là trên văn bản pháp lý, được trao quyền tự chủ ở mức độ khá cao.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.3. Mô hình quản trị đại học ở Việt Nam

Thực tế tự chủ được đại học ở nước ta vẫn là vấn đề bức xúc. Hầu như cơ sở GDĐH nào cũng than phiền về những rào cản - do sự chồng chéo về pháp lý, do sự rườm rà của thủ tục hành chính, do sự dai dẳng của cơ chế xin cho - trong việc thực hiện quyền tự chủ. Nghị quyết số 50/2010/QH12 ngày 19/6/2010 của Quốc hội (2010) đã nhận định: “Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục Đại học còn chưa được thực hiện đầy đủ và thiếu đồng bộ”.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.3. Mô hình quản trị đại học ở Việt Nam

Luật Giáo dục Đại học năm 2012 là sự đổi mới mạnh mẽ về tư duy trong quản trị Giáo dục Đại học. Tinh thần cơ bản của luật này là bảo đảm khung pháp lý vững chắc để một mặt nhà nước tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách phát triển GDĐH; mặt khác, các cơ sở GDĐH được “Tự chủ trong các hoạt động chủ yếu thuộc các lĩnh vực tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng GDĐH. Cơ sở GDĐH thực hiện quyền tự chủ ở mức độ cao hơn phù hợp với năng lực, kết quả xếp hạng và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục” (điều 32).

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.3. Mô hình quản trị đại học ở Việt Nam

Cũng trong năm 2012, NQ số 40/NQ-CP ngày 9/8/2012 ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện thông báo kết luận của Bộ Chính trị về đề án: “đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công” là một bước tiên quan trọng trong việc đổi mới tư duy quản lý các đơn vị sự nghiệp công nói chung, trường công nói riêng.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.3. Mô hình quản trị đại học ở Việt Nam

Các nhiệm vụ chủ yếu được nêu trong Nghị quyết số 40/NQ-CP là sự tiếp tục vận dụng mô hình quản lý công mới để tìm lời giải cho bài toán Đổi mới quản lý các dịch vụ công trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cụ thể hóa tinh thần nghị 40/NQ-CP vào giáo dục Đại học, Chính phủ đã ban hành nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục Đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017, theo đó “cơ sở GDĐH công lập khi cam kết tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện”. Thực sự đây là một đột phá trong đổi mới quản trị đại học và tính đến tháng 3 năm 2016 đã có 13 trường đại học công lập được tham gia thực hiện thí điểm.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.3. Mô hình quản trị đại học ở Việt Nam

Một mô hình mới trong quản trị đại học đang hình thành, trong đó, đang có sự Chuyển dịch vai trò của nhà nước từ chỉ huy và kiểm soát sang Trao quyền và giám sát trên cơ sở giữ vững vai trò của nhà nước trong cung ứng và cấp Tài chính cho GDĐH, bảo đảm GDĐH về cơ bản là lợi ích công và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục Đại học được đẩy mạnh theo tinh thần cải cách hành chính nhà nước, hướng tới việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, và hiệu quả giáo dục, bảo đảm sự công bằng và sự hài lòng của người dân trong việc hưởng thụ giáo dục.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.4. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo

Mô hình quản lý giáo dục nước ta vẫn đang trong quá trình chuyển từ mô hình quản lý công truyền thống sang mô hình quản lý công mới. Riêng trong GDĐH, chúng ta đang hướng tới một mô hình quản trị trong đó, một mặt, nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong cung ứng và quản lý giáo dục, mặt khác các cơ sở GDĐH được tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội. Một quyết định quan trọng được đưa ra trong Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 4/11/2013, đó là: “xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo và trách nhiệm quản lý theo ngành, lãnh thổ của các bộ, ngành, địa phương. Phân định công tác quản lý nhà nước với quản trị của cơ sở GDĐT. Đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo”. Đó là quy định về đổi mới quản lý giáo dục theo hai chiều, từ trên xuống và từ dưới lên.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.4. Đổi mới quản trị cơ sở GDDH trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo

Đổi mới Quản lý nhà nước về GDĐH, theo Tinh thần của luật giáo dục Đại học và nghị quyết số 40/NQ-CP về đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, cùng với việc hoàn thiện Cơ chế, Chính sách liên quan đến sự tham gia của thị trường và xã hội trong cung ứng và quản lý giáo dục, chính là quá trình từ trên xuống, nhằm tạo dựng cơ chế quản lý có hiệu lực và hiệu quả cho việc đổi mới mô hình quản trị đại học. Việc Đưa mô hình này vào cuộc sống lại do chính các cơ sở giáo dục Đại học Thực hiện - đó là quá trình Từ dưới lên mà thành công của nó phụ thuộc vào việc đổi mới quản trị cơ sở giáo dục Đại học.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.4. Đổi mới quản trị cơ sở GDDH trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo

3.4.1. xác lập cơ chế quản trị

Cơ chế quản trị là quá trình ra quyết định, giám sát, đánh giá những vấn đề lớn của cơ sở để đáp ứng sự thay đổi. Cơ chế này là sự cụ thể hóa quyền tự chủ của cơ sở và được thực hiện theo nguyên tắc dân chủ, thông qua hội đồng trường. Vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu thành phần, lệ lối làm việc của hội đồng trường được quy định từ lâu trong luật giáo dục năm 2005, được tiếp tục cụ thể hóa trong luật giáo dục năm 2012 và đã được hướng dẫn thực hiện trong điều lệ trường đại học. Tuy nhiên, đến hết các cơ sở giáo dục Đại học, Cơ chế này hầu như không được quan tâm. Có nhiều nguyên nhân gây nên tình trạng này, nhưng một trong những nguyên nhân chính là lợi thế độc quyền và thói quen Bao cấp khiến các cơ sở công lập không phải bận tâm nhiều đến sự thay đổi. Với yêu cầu đổi mới cơ chế tài chính và áp lực cạnh tranh đang diễn ra trong môi trường đào tạo ở nước ta, yêu cầu bức thiết là các cơ sở GDĐH cần sớm xác lập và phát huy cơ chế quản trị thực chất, không hình thức, để mỗi cơ sở hoạch định được hướng phát triển đúng đắn, đóng góp có chất lượng và hiệu quả cho việc đào tạo theo nhu cầu xã hội.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.4. Đổi mới quản trị cơ sở GDDH trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo

3.4.2. Phát huy quyền tự do học thuật

Quyền tự do học thuật là quyền tự do giảng dạy, học hỏi, nghiên cứu khoa học trong không khí dân chủ trường học trên nguyên tắc tôn trọng các chuẩn mực đạo đức và quy tắc nghề nghiệp. Cùng với quyền tự do này là trách nhiệm của giảng viên trong việc học hỏi không ngừng, cập nhật Nội dung giảng dạy, đổi mới phương pháp, hoài nghi khoa học, theo đuổi chân lý. Phát huy quyền tự do học thuật tức là chuyển đội ngũ giảng viên từ trạng thái thụ động hiện nay sang trạng thái chủ động đề công tác đào tạo gắn bó hơn với đòi hỏi của thị trường lao động. GV phải có tiếng nói quyết định trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, kể từ tuyển sinh, đổi mới chương trình, mở ngành mới, đến phát triển đội ngũ giảng viên, liên kết đào tạo, hợp tác quốc tế.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.4. Đổi mới quản trị cơ sở GDDH trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo

3.4.3. Xây dựng quan hệ phối hợp với

Xây dựng quan hệ phối hợp mới là quan hệ trong nội bộ nhà trường, quan hệ với cơ quan quản lý và quan hệ với môi trường xã hội xung quanh.

- Trong nhà trường hình thành một quan hệ xã hội mới. Đó là quan hệ giữa hội đồng trường và ban giám hiệu dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng ủy, trong đó hội đồng trường là một thực thể có quyền lực cao nhất trong định hướng phát triển và giám sát việc thực hiện, con bộ máy của hiệu trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện và giải trình.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.4. Đổi mới quản trị cơ sở GDDH trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo

3.4.3. Xây dựng quan hệ phối hợp với

Xây dựng quan hệ phối hợp mới là quan hệ trong nội bộ nhà trường, quan hệ với cơ quan quản lý và quan hệ với môi trường xã hội xung quanh.

- Giữa nhà trường và cơ quan quản lý hình thành quan hệ phối hợp mới. Cần thay quan hệ hiện nay trong đó cơ quan quản lý cấp trên vẫn đang làm thay vai trò của hội đồng trường trong việc chỉ đạo Quyết định những việc lớn của nhà trường, bằng một quan hệ mới trong đó cơ quan quản lý cấp trên đóng vai trò phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện là chính.
- Giữa nhà trường và môi trường xã hội xung quanh hình thành các liên kết mới. Đó là môi liên kết bền vững và có hiệu quả giữa nhà trường với các cơ sở tuyển dụng lao động, doanh nghiệp, viện nghiên cứu khoa học, các cơ sở đào tạo khác và các trường phổ thông theo định hướng phát triển ở sinh viên các năng lực kỹ thuật và hành vi phù hợp với công việc thông qua một hệ thống được kết nối tốt hơn.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.4. Đổi mới quản trị cơ sở GDDH trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo

3.4.4. Xây dựng cơ chế đảm bảo chất lượng

Quy định về kiểm định chất lượng của luật giáo dục năm 2005, các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở GDĐH đã được ban hành, các đơn vị chuyên trách về đảm bảo chất lượng đã được thành lập ở nhiều cơ sở giáo dục Đại học, việc tham gia vào cấp mạng lưới đảm bảo chất lượng khu vực và quốc tế đã được tiến hành. Đó là những bước đi quan trọng trong đổi mới quản lý chất lượng giáo dục ở nước ta. Tuy nhiên vẫn chưa hình thành trong GDĐH một cơ chế bảo đảm chất lượng đích thực, hiểu theo nghĩa là cơ chế trong đó nhà trường xây dựng được các quy trình, quy chuẩn và quy tắc trong dạy và học để đảm bảo rằng người học thành công trong học tập và đáp ứng được các yêu cầu về phẩm chất và năng lực mà xã hội mong đợi.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.4. Đổi mới quản trị cơ sở GDDH trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo

Luật giáo dục đại học đã có bước đột phá trong việc giành hẳn một chương về “bảo đảm chất lượng và Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học”. Các cơ sở giáo dục Đại học Cần căn cứ vào điều 50 của luật giáo dục Đại học để xây dựng cơ chế đảm bảo chất lượng từ việc thành lập tổ chuyên trách, xây dựng và thực hiện kế hoạch, Duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng, đến công bố công khai các điều kiện này.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.4. Đổi mới quản trị cơ sở GDDH trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo

3.4.5. Xây dựng cơ chế giải trình

Luật giáo dục Đại học đã rút ngắn rất nhiều khoảng cách giữa quyền tự chủ trên văn bản với quyền tự chủ trên thực tế. Dĩ nhiên, việc giao quyền tự chủ đến đâu và như thế nào còn phụ thuộc vào một số điều kiện liên quan đến năng lực của cơ sở và kết quả kiểm định chất lượng. Tuy nhiên, có khiếm khuyết di sản trong quy định về quyền tự chủ. Đó là sự không quan tâm đầy đủ đến một điều kiện chính yếu, là trách nhiệm giải trình của cơ sở.

3. Đổi mới quản trị cơ sở GDĐH

3.4. Đổi mới quản trị cơ sở GDDH trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo

Cần xây dựng cơ chế giải trình, theo đó khi thực thi quyền tự chủ, nhà trường có trách nhiệm giải trình về kết quả đầu ra với 3 nơi: nội bộ nhà trường, cơ quan quản lý, công chúng. Việc giải trình này phải được gắn kết với các kết quả kiểm định để đảm bảo độ tin cậy trong giải trình. Nó cũng phải được xây dựng trên cơ sở phát triển hệ thống thông tin quản lý giáo dục (EMIS) để đảm bảo tính công khai, minh bạch. Đó là các yêu cầu bắt buộc để không chỉ bảo đảm niềm tin của nhà nước và xã hội đối với nhà trường, mà còn để tạo dựng môi trường thông tin thuận lợi trong việc gắn kết cùng với cộng đồng đào tạo.